

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 311/2023/HC-PT

Ngày: 06/09/2023

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý thuế*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các Thẩm phán: ông **Trần Quốc Cường**
bà **Võ Thị Ngọc Dung**

- Thư ký phiên tòa: bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Đinh Văn Chánh**, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 175/2023/TLPT-HC ngày 01 tháng 8 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý thuế*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2023/HC-ST ngày 06/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3000/2023/QĐ-PT ngày 18 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Công ty Cổ phần G (G DANANG); địa chỉ: Lô A, đường C T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: ông **Phạm Hoàng A**, sinh năm 1971; Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo theo uỷ quyền: bà **Trịnh Thị N** - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần G, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: ông **Hà Văn T**, sinh năm 1994 và ông **Tạ Đức T1**, sinh năm 1962; cùng địa chỉ cư trú: Tầng H, Tòa

nhà CTM, số B đường C, phường D, quận C, thành phố Hà Nội, ông T có mặt, ông T1 vắng mặt.

2. Người bị kiện: Cục Thuế thành phố Đà Nẵng.

Địa chỉ: số A đường P, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Đức T2; chức vụ: Cục trưởng Cục thuế thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trương Công K; chức vụ: Phó Cục trưởng Cục thuế thành phố Đà Nẵng, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng; địa chỉ trụ sở: số B đường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Trung C; chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Võ Nguyên C1; chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng (theo Giấy ủy quyền số 08/UQ-UBND ngày 22/5/2023), vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Người khởi kiện Công ty Cổ phần G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện Công ty Cổ phần G trình bày:

Công ty Cổ Phần G (V) là Công ty được doanh nghiệp Nhà nước đầu tư và phát triển (vốn doanh nghiệp Nhà nước chiếm 57,25 % cổ phần trong công ty).

Theo Quyết định số 19911/QĐ-UB về việc cho G DA NANG thuê đất ngày 13/8/2003, chúng tôi là chủ thể thuê đất và sử dụng, thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với khu đất 27.714,7m², tọa lạc tại số C đường N, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Thời hạn thuê là 15 năm (từ ngày 13/8/2003 đến 13/8/2018).

Ngày 16/10/2018, Cục trưởng Cục thuế thành phố Đà Nẵng ban hành Thông báo số 3802/TB - CT thông báo về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước đối với diện tích 27.714,7 đất nêu trên, đơn giá thuê đất kèm theo bảng tính chi tiết giai đoạn 2018 – 2022 là 46.750 đồng//năm.

Từ năm 2018 đến 2021, thực hiện Thông báo số 3802/TB-CT và các Thông báo (theo từng năm) của Cục trưởng Cục thuế thành phố Đà Nẵng, chúng tôi đã chấp hành đúng và đầy đủ, cụ thể như sau:

Nộp tiền thuê đất kỳ II/2018 theo Thông báo số 3953/TB-CT ngày 25/10/2018 641.986.355 đồng (sáu trăm bốn mươi một triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm năm mươi lăm đồng);

Nộp tiền thuê đất năm 2019 theo Thông báo số 1983/TB-CT ngày 04/05/2019 là 1.295.674.195 đồng (một tỷ hai trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn một trăm chín mươi lăm đồng);

Nộp tiền thuê đất năm 2020 theo Thông báo số 1423/TB-CT ngày 28/04/2020 là 1.295.662.225 đồng (một tỷ hai trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm hai mươi lăm đồng);

Nộp tiền thuê đất năm 2021 theo Thông báo số 1355/TB-CT ngày 27/04/2021 là 1.295.662.225 đồng (một tỷ hai trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm hai mươi lăm đồng).

Các Thông báo nộp tiền thuê đất nêu trên là cơ sở để chúng tôi xây dựng phương án kinh doanh và tiến hành các hoạt động kinh doanh hàng năm từ năm 2018 cho đến nay, chúng tôi đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ tài chính.

Tuy nhiên, ngày 13/5/2022 Cục trưởng Cục thuế thành phố Đà Nẵng đã ban hành Thông báo số 1614/TB-CTDAN và Thông báo số 1615/TB-CTDAN, đề thu hồi Thông báo số 3802/TB-CT ngày 16/10/2018 về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước đối với Công ty Cổ phần G; tiến hành điều chỉnh, bổ sung các Thông báo số 3953/TB-CT ngày 25/10/2018, số 1983/TB-CT ngày 04/5/2019, số 1423/TB-CT ngày 28/4/2020; số 1355/TB-CT ngày 27/4/2021, điều chỉnh tiền thuê đất và buộc chúng tôi phải nộp bổ sung số tiền: 11.707.294.905 đồng (mười một tỷ bảy trăm linh bảy triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn chín trăm linh năm đồng).

Như vậy, việc Cục trưởng Cục thuế thành phố Đà Nẵng ban hành các Thông báo số 1614/TB-CTDAN và Thông báo số 1615/TB-CTDAN để thu hồi Thông báo số 3802/TB-CT và điều chỉnh, bổ sung các Thông báo nộp tiền thuê đất từ 2018 – 2021, yêu cầu chúng tôi phải nộp hồ sơ bổ sung các nghĩa vụ tài chính đã hoàn thành là không phù hợp, làm phát sinh nghĩa vụ, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của chúng tôi, xâm phạm đến tài sản của doanh nghiệp Nhà nước đã đầu tư tại công ty.

Để bảo toàn vốn Nhà nước đầu tư tại Công ty Cổ phần G, chúng tôi đề nghị Toà án:

- Hủy bỏ Thông báo số 1614/TB-CTDAN ngày 13/5/2022 của Cục trưởng Cục Thuế thành phố Đà Nẵng về việc “thu hồi Thông báo số 3802/TB-CT ngày 16/10/2018 về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước đối với Công ty Cổ phần G”;

- Hủy bỏ Thông báo số 1615/TB-CTDAN ngày 13/5/2022 của Cục trưởng Cục Thuế thành phố Đà Nẵng về việc “Thông báo nộp tiền về thuê đất mặt nước theo hình thức nộp hàng năm”.

- Trường hợp không hủy bỏ hai Thông báo nêu trên, Công ty Cổ phần G phải thực hiện nghĩa vụ nộp bổ sung số tiền 11.707.294.905 đồng (mười một tỷ bảy trăm

linh bảy triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn chín trăm linh năm đồng). Chúng tôi yêu cầu Cục Thuế thành phố Đà Nẵng phải bồi thường thiệt hại theo Luật Bồi thường trách nhiệm của Nhà nước cho Công ty Cổ phần G số tiền 11.707.294.905 đồng(mười một tỷ bảy trăm linh bảy triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn chín trăm linh năm đồng) tương ứng với số tiền Công ty bị thiệt hại.

Người bị kiện Cục Thuế thành phố Đà Nẵng **trình bày:**

1. Đối với Thông báo số 1614/TB-CTDAN ngày 13/5/2022 về việc thu hồi Thông báo số 3802/TB-CT ngày 16/10/2018 về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước đối với Công ty cổ phần G.

Thực hiện công tác kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế theo quy định tại Điều 109 Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019 và điểm k khoản 2 Điều 5 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; Cục Thuế đã phát hiện có sai sót trong việc xác định đơn giá thuê ổn định áp dụng cho giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2022 đối với Công ty Cổ phần G, cụ thể:

Quyết định số 19911/QĐ-UB ngày 13/8/2003 của UBND thành phố Đà Nẵng cho phép Chi nhánh công ty G (tên đơn vị thuê đất từ Chi nhánh Công ty G được điều chỉnh thành Công ty Cổ phần G, theo Quyết định số 4609/QĐ-UBND ngày 8/7/2013) thuê đất theo hiện trạng sử dụng tại phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng; tại Điều 1 của Quyết định, thời hạn thuê đất là 15 năm kể từ ngày ký quyết định này. Như vậy, thời hạn thuê đất theo Quyết định của UBND thành phố Đà Nẵng đối với Công ty Cổ phần G là từ 13/8/2003 đến ngày 13/8/2018; từ sau ngày 13/8/2018 đến nay, Công ty cổ phần G sử dụng đất nhưng chưa có quyết định gia hạn thời gian thuê đất của UBND thành phố Đà Nẵng. Vì vậy xác định đơn giá tính tiền thuê đất được xác định trên cơ sở giá đất tại Bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất, tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất do UBND thành phố Đà Nẵng ban hành của từng năm sử dụng đất; không được ổn định đơn giá thuê đất (05 năm một lần), được quy định tại:

- Khoản 2, khoản 3 Điều 109 Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013:

“ Điều 109. Nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi chuyển mục đích sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất

1.....

2. Khi được gia hạn sử dụng đất mà người sử dụng đất thuộc đối tượng phải trả tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thì phải thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với thời gian được gia hạn.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”

- Khoản 5 Điều 3 Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước:

“ Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước:

1.....

5. Sửa đổi Khoản 2 Điều 17 như sau:

“2. Khi được gia hạn sử dụng đất mà người sử dụng đất thuộc đối tượng phải nộp tiền khi thuê đất thì tiền thuê đất được xác định theo chính sách và giá đất tại thời điểm được gia hạn.

Đối với trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm thì chu kỳ ổn định đơn giá thuê đất tính từ thời điểm cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quyết định gia hạn thời gian thuê đất. Trường hợp thời điểm hết thời gian thuê đất trước khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quyết định gia hạn thời gian thuê đất thì người sử dụng phải nộp tiền thuê đất hàng năm đối với khoảng thời gian này theo đơn giá xác định trên cơ sở giá đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.”

- Điều 1 Thông tư số 11/2018/BTC-TT ngày 30/01/2018 của Bộ T3, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ T3 hướng dẫn một số điều của Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước:

“ Điều 1. Bổ sung khoản 6a, 10a vào Điều 5 như sau:

“6a.....

10a. Khi được gia hạn sử dụng đất mà người sử dụng đất thuộc đối tượng phải nộp tiền thuê đất thì tiền thuê đất được xác định theo chính sách và giá đất tại thời điểm được gia hạn.

Đối với trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm thì chu kỳ ổn định đơn giá thuê đất tính từ thời điểm cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quyết định gia hạn thuê đất.

Trường hợp hết thời gian thuê đất nhưng cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa ban hành quyết định gia hạn thuê đất thì người sử dụng đất phải nộp tiền thuê đất của từng năm sử dụng đất kể từ thời điểm hết thời gian thuê đất đến thời điểm có quyết định gia hạn thời gian thuê đất theo đơn giá xác định trên cơ sở giá đất tại Bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất, tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành của từng năm sử dụng đất; không được ổn định đơn giá thuê đất (05 năm một lần) trong khoảng thời gian này.”

Vì vậy, Thông báo số 3802/TB-CT ngày 16/10/2018 về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước đối với Công ty Cổ phần G, xác định đơn giá đất ổn định áp dụng cho

giai đoạn thuê đất từ năm 2018 đến năm 2022 đối với Công ty Cổ phần G là chưa phù hợp với các quy định pháp luật đã nêu trên; Cục Thuế thành phố Đà Nẵng đã có Biên bản làm việc ngày 21/4/2022 với Công ty Cổ phần G, xác định lô đất diện tích 27.714,7 tại C N, quận S, thành phố Đà Nẵng, nên đơn giá tính tiền thuê đất được xác định trên cơ sở giá đất tại Bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất, tỷ lệ (%) tính đơn giá thuê đất do UBND thành phố Đà Nẵng ban hành của từng năm sử dụng đất, không ổn định chu kỳ 5 năm cho đến khi có Quyết định gia hạn thời gian sử dụng đất.

Căn cứ điểm k khoản 2 Điều 5 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về kiểm tra, thanh tra các khoản thu khác do cơ quan thuế quản lý thu; điểm b khoản 2 Điều 109 Luật Quản lý thuế quy định xử lý kết quả sau kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế; khoản 3 Điều 137 Luật Quản lý thuế quy định thời hiệu truy thu, truy hoàn và điểm a khoản 3 Điều 25 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định trách nhiệm của cơ quan thuế trong việc xác định đơn giá thuê đất và thông báo cho người nộp tiền thuê đất;

Ngày 13/5/2022, Cục Thuế thành phố Đà Nẵng đã có Thông báo số 1614/TB-CTDAN v/v thu hồi Thông báo số 3802/TB-CT ngày 16/10/2018 về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước đối với Công ty Cổ phần G là có căn cứ, phù hợp với các quy định pháp luật về thu tiền thuê đất và pháp luật về quản lý thuế.

2. Thông báo số 1615/TB-CTDAN ngày 13/5/2022 về tiền thuê đất, thuê mặt nước theo hình thức nộp hàng năm: căn cứ các Thông báo số 1614/TB-CTDAN ngày 13/5/2022 về việc thu hồi Thông báo số 3802/TB-CT ngày 16/10/2018 về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước đối với Công ty cổ phần G; theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 109 Luật Quản lý thuế quy định xử lý kết quả sau kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế; khoản 3 Điều 137 Luật Quản lý thuế quy định thời hiệu truy thu, truy hoàn và điểm a, khoản 3 Điều 25 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2022 (Mẫu số 01/TMĐN ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020) về việc thông báo nộp tiền về thuê đất, thuê mặt nước theo hình thức nộp hàng năm; điều chỉnh, bổ sung tiền thuê đất Công ty cổ phần G phải nộp hàng năm, từ năm 2018 đến năm 2021.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng trình bày:

Khu đất tại số C đường N, phường T, quận S được UBND thành phố Đà Nẵng cho Công ty Cổ phần G thuê đất trả tiền hàng năm tại các Quyết định số 19911/QĐ-UBND ngày 13/8/2003, Quyết định số 4609/QĐ-UBND ngày 08/7/2013 và Quyết định số 2854/QĐ-UBND ngày 19/5/2015 có diện tích 27.714,7m²; mục đích sử dụng: Văn phòng và nhà kho; thời hạn thuê đất: 15 năm kể từ ngày 13/8/2003 (hết hạn vào ngày 13/8/2018).

UBND Thành phố thống nhất chủ trương không cho phép Công ty Cổ phần G gia hạn thời gian thuê đất và thu hồi khu đất tại các văn bản: Công văn số 206/VP-ĐTĐT ngày 17/01/2020, Thông báo số 178/TB-VP ngày 09/4/2020 và Thông báo số 16/TB-UBND ngày 09/02/2021.

Ngày 08/11/2021, UBND Thành phố ban hành Quyết định số 3607/QĐ-UBND về việc thu hồi đất theo Điều 65 Luật Đất đai năm 2013 đối với khu đất có diện tích 27.714,7m² do Công ty Cổ phần G đang sử dụng tại số C đường N, phường T, quận S.

Ngày 10/02/2022, UBND quận S chủ trì họp với Công ty Cổ phần G, Trung tâm Phát triển quỹ đất, UBND phường T, theo đó có kết luận:

“+ Đề nghị Công ty Cổ phần G cung cấp các hồ sơ, tài liệu liên quan đến chi phí đầu tư vào đất và các chi phí tháo dỡ, di chuyển lắp đặt lại đối với tài sản trên đất tại khu đất thu hồi theo nội dung Công văn số 290/UBND-BQLDA ngày 10/02/2022 của UBND quận S; thời gian cung cấp hồ sơ trước ngày 07/5/2022, UBND quận S sẽ có trách nhiệm tổng hợp báo cáo UBND thành phố toàn bộ vướng mắc, đồng thời hỗ trợ Công ty L và các khu công nghiệp về việc giới thiệu địa điểm di dời sản xuất.

+ Trong trường hợp đến ngày 30/5/2022, mà UBND Thành phố không có chỉ đạo khác đối với công tác thu hồi đất, hỗ trợ.... thì UBND quận sẽ tiến hành lập thủ tục cưỡng chế thu hồi đất theo đúng quy định.”

Ngày 01/8/2022, Công ty Cổ phần G gửi Công văn số 34/2022/VTRSDN về việc đề nghị bàn giao mặt bằng trước và sau đó Công ty sẽ tháo dỡ và di dời các tài sản của Công ty nằm trên khu đất tại số C đường N

Ngày 01/8/2022, UBND quận S ban hành Công văn số 2092/UBND-BQLDN về việc đề nghị Sở T chỉ đạo Trung tâm Phát triển quỹ đất làm việc với Công ty Cổ phần G để tiếp nhận mặt bằng khu đất số C đường N theo Quyết định thu hồi đất của UBND Thành phố.

Ngày 28/12/2022, Công ty Cổ phần G đã bàn giao khu số 35 Ngô Quyền cho Trung tâm Phát triển quỹ đất theo Biên bản bàn giao ngày 28/12/2022.

Từ những vấn đề nêu trên, UBND thành phố Đà Nẵng có ý kiến như sau:

- Khu đất tại số C đường N, phường T, quận S của Công ty Cổ phần G đã hết thời hạn thuê đất và không được UBND Thành phố cho phép gia hạn, đã thu hồi theo Quyết định số 3607/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 (theo điểm d khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai 2013) và không được bồi thường về đất.

- Công ty Cổ phần G bàn giao khu đất cho Trung tâm Phát triển quỹ đất và chính thức chấm dứt về việc sử dụng đất kể từ ngày 28/12/2022.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2023/HC-ST ngày 06/6/2023, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định: căn cứ Điều 30, Điều 32, khoản 2 Điều 193, Điều 196, Điều 206 và Điều 213 của Luật Tổ tụng hành chính; Luật Doanh nghiệp năm 2014; Luật Doanh nghiệp năm 2020; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần G về việc yêu cầu hủy Thông báo số 1614/TB - CTDAN và Thông báo số 1615/TB - CTDAN cùng ngày 13/5/2022 của Cục trưởng Cục Thuế thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 16/6/2023, người khởi kiện Công ty Cổ phần G kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm: hủy Thông báo số 1614/TB - CTDAN và Thông báo số 1615/TB - CTDAN cùng ngày 13/5/2022 của Cục trưởng Cục Thuế thành phố Đà Nẵng; trường hợp không hủy bỏ các Thông báo nêu trên thì đề nghị Tòa án xem xét trách nhiệm bồi thường của nhà nước trong việc gây thiệt hại phát sinh cho doanh nghiệp số tiền 11.707.294.905 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Ngày 16/6/2023, người khởi kiện kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, Đơn kháng cáo của người khởi kiện là trong thời hạn quy định tại Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa, Người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày quan điểm bảo vệ cho người khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, tuyên hủy các Thông báo số 1614/TB - CTDAN và Thông báo số 1615/TB - CTDAN cùng ngày 13/5/2022 của Cục trưởng Cục Thuế thành phố Đà Nẵng. Nếu không hủy bỏ các Thông báo nêu trên thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trách nhiệm bồi thường của nhà nước trong việc gây thiệt hại phát sinh cho doanh nghiệp tương ứng với số tiền 11.707.294.905 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm: ở giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ quy định của Luật Tổ tụng hành chính khi giải quyết vụ án.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của người khởi kiện:

Người khởi kiện kháng cáo toàn bộ bản án, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét các vấn đề:

[2.1]. Về tố tụng:

[2.1.1]. Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết: tại Quyết định số 19911/QĐ-UB ngày 13/8/2003, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cho Công ty Cổ phần G (sau đây viết tắt là Công ty) thuê đất theo hiện trạng sử dụng tại phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng với thời hạn thuê đất là 15 năm (từ 13/8/2003 đến ngày 13/8/2018), nhưng kể từ ngày 14/8/2018 đến nay, Công ty cổ phần G sử dụng đất mà không được UBND thành phố Đà Nẵng gia hạn thuê đất nên Cục Thuế thành phố Đà Nẵng đã ban hành các Thông báo số 1614/TB - CTDAN và số 1615/TB - CTDAN cùng ngày 13/5/2022 để thu hồi Thông báo giá thuê đất trước đó và điều chỉnh, bổ sung tiền thuê đất đối với Công ty phải nộp hàng năm (từ năm 2018 đến 2021) và buộc Công ty phải nộp số tiền 11.707.294.905đ. Các Thông báo số 1614/TB - CTDAN và Thông báo số 1615/TB - CTDAN cùng ngày 13/5/2022 của Cục trưởng Cục Thuế thành phố Đà Nẵng là các quyết định hành chính làm phát sinh nghĩa vụ đối với Công ty nên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính; ngày 22/8/2022, Công ty đã khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các Thông báo nêu trên là trong thời hiệu khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định theo Điều 30, Điều 32 của Luật Tổ tụng hành chính.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND thành phố Đà Nẵng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định tại Điều 157 của Luật Tổ tụng hành chính.

[2.2]. Về nội dung:

[2.2.1]. Về xác định nghĩa vụ nộp tiền thuê đất của doanh nghiệp khi hết thời hạn thuê đất:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước:

“ Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước:

...

5. Sửa đổi Khoản 2 Điều 17 như sau:

“2. Khi được gia hạn sử dụng đất mà người sử dụng đất thuộc đối tượng phải nộp tiền khi thuê đất thì tiền thuê đất được xác định theo chính sách và giá đất tại thời điểm được gia hạn.

*Đối với trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm thì chu kỳ ổn định đơn giá thuê đất tính từ thời điểm cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quyết định gia hạn thời gian thuê đất. Trường hợp thời điểm hết thời gian thuê đất trước khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quyết định gia hạn thời gian thuê đất thì người sử dụng **phải nộp tiền thuê đất hàng năm đối với khoảng thời gian này theo đơn giá xác định trên cơ sở giá đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.**”*

Cũng tại Điều 1 Thông tư số 11/2018/BTC-TT ngày 30/01/2018 của Bộ T3, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ T3 hướng dẫn một số điều của Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, quy định:

“Điều 1. Bổ sung khoản 6a, 10a vào Điều 5 như sau:

“6a.....

10.a. Khi được gia hạn sử dụng đất mà người sử dụng đất thuộc đối tượng phải nộp tiền thuê đất thì tiền thuê đất được xác định theo chính sách và giá đất tại thời điểm được gia hạn.

Đối với trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm thì chu kỳ ổn định đơn giá thuê đất tính từ thời điểm cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quyết định gia hạn thời gian thuê đất.”

*Trường hợp hết thời gian thuê đất nhưng cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa ban hành quyết định gia hạn thời gian thuê đất thì người sử dụng đất phải nộp tiền thuê đất của từng năm sử dụng đất kể từ thời điểm hết thời gian thuê đất đến thời điểm có quyết định gia hạn thời gian thuê đất theo đơn giá xác định trên cơ sở giá đất tại Bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất, tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất do **Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành của từng năm sử dụng đất; không được ổn định đơn giá thuê đất (05 năm một lần) trong khoảng thời gian này**”.*

Tại Quyết định số 19911/QĐ-UB ngày 13/8/2003 của UBND thành phố Đà Nẵng, Công ty được thuê đất theo hiện trạng sử dụng tại phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng với thời hạn thuê đất là 15 năm từ ngày 13/8/2003 đến ngày 13/8/2018 thì hết thời hạn thuê. Mặc dù phía Công ty đã nhiều lần gửi Văn bản đề nghị được gia hạn thời gian thuê đất, Sở T cũng đã có Tờ trình số 217/TTr-STNMT ngày 21/3/2019 (bút lục 103), Báo cáo số 10566/BC-STNMT ngày 19/12/2019 đề

ngợi UBND thành phố Đà Nẵng gia hạn thời gian sử dụng đất cho Công ty thời gian là 03 năm kể từ ngày 14/8/2018 đến ngày 13/8/2021; hình thức thuê đất; **trả tiền thuê đất hàng năm**. Nhưng ngày 09/02/2021, Ủy ban Thành phố đã ban hành Thông báo thu hồi diện tích 27.714,7m² đất Công ty đã thuê (bút lục 93). Ngày 08/11/2021, UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 3607/QĐ-UBND *Quyết định về việc thu hồi theo Điều 65 Luật Đất đai 2013 đối với khu đất của Công ty Cổ phần G*. Như vậy, thực tế sau ngày 14/8/2018, phía Công ty vẫn tiếp tục sử dụng diện tích đất đã thuê nhưng không được UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định gia hạn thời hạn thuê đất; đối chiếu quy định được viện dẫn ở trên thì Công ty phải nộp tiền thuê đất theo đơn giá xác định trên cơ sở giá đất tại Bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất, tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành của từng năm sử dụng đất; không được ổn định đơn giá thuê đất (05 năm một lần) trong khoảng thời gian này.

[2.2.2]. Xét Thông báo số 3802/TB-CT ngày 16/10/2018 của Cục Thuế thành phố Đà Nẵng về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước đối với Công ty cổ phần G, xác định đơn giá đất ổn định áp dụng cho giai đoạn thuê đất từ năm 2018 đến năm 2022 mà không căn cứ Bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất, tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành của từng năm sử dụng đất là áp dụng không đúng quy định của pháp luật đã được viện dẫn ở trên, từ đó Cục Thuế thành phố Đà Nẵng ban hành các Thông báo: số 3953/TB-CT ngày 25/10/2018, số 1983/TB-CT ngày 04/5/2019, số 1423/TB-CT ngày 28/4/2020 và số 1355/TB-CT ngày 27/4/2021 để thu tiền thuê đất của Công ty cùng mức tiền 1.295.674.195 là gây thất thu cho ngân sách Nhà nước. Vì vậy, ngày 13/5/2022, Cục trưởng Cục Thuế thành phố Đà Nẵng đã ban hành Thông báo số 1614/TB-CTDAN ngày 13/5/2022 về việc thu hồi Thông báo số 3802/TB-CT ngày 16/10/2018 về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước đối với Công ty cổ phần G, để xác định lại giá đất là đảm bảo nguồn thu cho Ngân sách Nhà nước là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2.3]. Xét Thông báo số 1615/TB - CTDAN ngày 13/5/2022 của Cục trưởng Cục Thuế thành phố Đà Nẵng: trên cơ sở Thông báo số 1614/TB-CTDAN, Cục trưởng Cục Thuế thành phố Đà Nẵng ban hành Thông báo số 1615/TB-CTDAN ngày 13/5/2022 về việc thông báo nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước theo hình thức nộp hàng năm; theo đó điều chỉnh, bổ sung tiền thuê đất, Công ty Cổ phần G phải nộp hàng năm, từ năm 2018 đến năm 2022 với số tiền nộp bổ sung là 11.707.294.905 đồng (**các bút lục từ 04 đến 10**) là đúng quy định. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bác đơn khởi kiện của Công ty yêu cầu Tòa án hủy các Thông báo số 1614/TB-CTDAN và Thông báo số 1615/TB-CTDAN cùng ngày 13/5/2022 của Cục Thuế thành phố Đà Nẵng là có cơ sở. Công ty kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy các Thông báo số 1614/TB-CTDAN và Thông báo số 1615/TB-

CTDAN cùng ngày 13/5/2022 của Cục trưởng Cục Thuế thành phố Đà Nẵng là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2.3]. Xét nội dung kháng cáo của Công ty yêu cầu xem xét trách nhiệm bồi thường của Cục trưởng Cục Thuế thành phố Đà Nẵng vì gây thiệt hại cho Doanh nghiệp số tiền 11.707.294.905đ, Hội đồng xét xử thấy rằng: quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, người khởi kiện cung cấp các Hợp đồng cho thuê nhà kho, xưởng, văn phòng đối với các khách hàng nhưng chưa chứng minh được cụ thể thiệt hại phát sinh là bao nhiêu nên chưa đủ cơ sở giải quyết, do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã giành cho Công ty Cổ phần G quyền khởi kiện trong vụ án khác là phù hợp.

Như vậy, nội dung kháng cáo của người khởi kiện Công ty Cổ phần G đã được Hội đồng xét xử xem xét nhưng không có căn cứ chấp nhận. Quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện Công ty Cổ phần G phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính.

Bác kháng cáo của người khởi kiện Công ty Cổ phần G; Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2023/HC-ST ngày 06/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

2. Căn cứ Điều 30, Điều 32, khoản 2 Điều 193, Điều 196, Điều 206 và Điều 213 của Luật tố tụng Hành chính; Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014; Luật Doanh nghiệp năm 2020; Luật Đất đai 2013;

Tuyên xử:

2.1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần G về việc yêu cầu hủy Thông báo số 1614/TB - CTDAN ngày 13/5/2022 của Cục trưởng Cục Thuế thành phố Đà Nẵng và Thông báo số 1615/TB - CTDAN ngày 13/5/2022 của Cục trưởng Cục Thuế thành phố Đà Nẵng.

2.2. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 32; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Người khởi kiện Công ty Cổ phần G phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 (*Ba trăm*

ngàn) đồng đã nộp tại Biên lai thu số 0005075 ngày 10/10/2022 và 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu số 0009809 ngày 27/6/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Công ty Cổ phần G đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Đức Kiên